

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2025/HC-PT

Ngày: 28-3-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Cúc

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1261/2024/TLPT- HC ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; cưỡng chế thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 638/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Trịnh Văn K - sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H - sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: A đường T, khu phố B, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trịnh Văn K: Luật sư Trần Trịnh Quốc L - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- **Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân huyện N (vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đảng Năng T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Lê Xuân V - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N (có mặt).

- Ông Nguyễn Ngọc T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P (có mặt).

- Ông Châu Tấn Đ - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N (có mặt).

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Trần Thị Nhị H1 - sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Văn H - sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: A đường T, khu phố B, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

**Người làm chứng:** Ban Q (xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh V1 - Chuyên viên phòng B (có mặt).

**- Người kháng cáo:** Ông Trịnh Văn K; Ủy ban nhân dân huyện N.

(Các đương sự có mặt ở điểm cầu thành phần).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 78.445,9m<sup>2</sup> loại đất rừng sản xuất, xã đồng bằng và thửa số 92, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 301,7m<sup>2</sup> loại đất rừng sản xuất, xã đồng bằng. Các thửa đất này đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BN 363352, sổ vào sổ CH 00449 ngày 25/01/2013 cho ông Trịnh Văn K. Hiện trạng trên đất có trồng cây neem, nhà ở, chuồng bò.

Thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 một phần có diện tích 13.751,7m<sup>2</sup> loại đất bằng trồng cây hàng năm khác, đất ở vị trí 4, hiện trạng đang bỏ trống không canh tác; còn một phần diện tích 14.313,9m<sup>2</sup> đất bằng chưa sử dụng, hiện trạng đất chưa sử dụng và có nhiều cây bụi rậm. Đất do ông Đàng T2 và bà Đồng Thị T3 khai hoang năm 1975, sử dụng đến năm 2013 chuyển nhượng cho ông Trịnh Văn K (không có giấy tờ) theo Biên bản xác minh nguồn gốc đất của ông Trịnh Văn K được UBND xã P lập ngày 04/3/2021. Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đ1 tại xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, ngày 24/02/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 372/QĐ-UBND về việc thu hồi 106.813,2m<sup>2</sup> đất trồng rừng do ông Trịnh Văn K đang sử dụng, cụ thể:

- Một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 diện tích thu hồi 28.065,6m<sup>2</sup>.

- Một phần thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 78.445,9m<sup>2</sup>.

- Một phần thửa số 92, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 301,7m<sup>2</sup>

Ngày 24/02/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 390/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 2.657.518.696 đồng, bao gồm:

- Bồi thường về đất: 961.318.800 đồng.
- Bồi thường vật kiến trúc: 214.687.096 đồng.
- Bồi thường cây trồng: 64.056.000 đồng.
- Các khoản hỗ trợ khác: 1.417.456.800 đồng.

Ngày 16/6/2021, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 1925/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giảm diện tích thu hồi của ông Trịnh Văn K tại Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 24/02/2021, nội dung: “Điều 1: Điều chỉnh giảm diện tích đất thu hồi của ông Trịnh Văn K khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nhà máy Đ1, cụ thể như sau:

*- Diện tích thu hồi của ông Trịnh Văn K được UBND huyện N phê duyệt tại Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 là 106.813,2m<sup>2</sup> gồm các thửa đất sau: Một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 diện tích thu hồi 28.065,6m<sup>2</sup>; Một phần thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 78.445,9m<sup>2</sup>; Một phần thửa số 92, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 301,7m<sup>2</sup> cùng thuộc xã P, loại đất trồng rừng sản xuất.*

*Nay điều chỉnh thành diện tích đất thu hồi là 78.747,6m<sup>2</sup> tương ứng với diện tích đất giảm là 28.065,6m<sup>2</sup> tại một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 xã P, cụ thể như sau:*

*- Một phần thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 78.445,9m<sup>2</sup>.*

*- Một phần thửa số 92, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 301,7m<sup>2</sup>”*

Ngày 16/6/2021, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 1926/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giảm tiền bồi thường hỗ trợ của ông K tại Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 để thực hiện Dự án Nhà máy Đ1 với số tiền bồi thường 2.404.928.296 đồng. Lý do: Trong quá trình xác lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường trước đây có sự nhầm lẫn, sai sót về loại đất sử dụng.

Ngày 13/7/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1242/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần thửa số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 xã P với diện tích 13.751,7m<sup>2</sup> đất bằng trồng cây hàng năm khác và Quyết định số 1243/QĐ-UBND về bồi thường hỗ trợ cho ông Trịnh Văn K với tổng số tiền bồi thường về đất là 371.295.900 đồng.

Ngày 09/9/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1648/QĐ-UBND về việc bồi thường bổ sung vật kiến trúc cho ông Trịnh Văn K với số tiền 15.818.160 đồng và Quyết định số 1687/QĐ-UBND về việc hỗ trợ ổn định đời sống cho ông K với số tiền 2.340.000 đồng.

Ngày 20/02/2024, UBND huyện N ban hành Quyết định số 149/QĐ-UBND về việc điều chỉnh năm tại Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N. Lý do: Trong quá trình soạn thảo quyết định thu hồi đất của ông Trịnh Văn K có đánh máy nhầm năm 2022 thành 2021.

Ngày 19/01/2024, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 82/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông K với diện tích 92.499,3m<sup>2</sup> đất, cụ thể: Một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 diện tích thu hồi 13.751,7m<sup>2</sup>; Một phần thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 78.445,9m<sup>2</sup>; Một phần thửa số 92, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 301,7m<sup>2</sup>. Ông Trịnh Văn K khiếu nại quyết định cưỡng chế, công văn số 5468/UBND-NC ngày 22/11/2021 trả lời kiến nghị và được Chủ tịch UBND huyện N giải quyết tại Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 27/3/2024.

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - ông Lê Văn H - trình bày:**

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/. Hủy Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND huyện N về việc thu hồi đất của ông Trịnh Văn K.

2/. Hủy Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

3/. Hủy Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm diện tích bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

4/. Hủy Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông Trịnh Văn K.

5/. Hủy Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc thu hồi đất của ông Trịnh Văn K và Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện N.

6/. Hủy Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

7/. Hủy Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

8/. Hủy Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND huyện N về việc hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

Buộc Chủ tịch UBND huyện N và UBND huyện N phải tuân thủ và thực hiện đúng theo điểm c Điều 99 Nghị quyết số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ “Trường hợp thực hiện dự án kinh doanh thuộc diện Nhà nước thu hồi đất nhưng cho phép Chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án” do UBND huyện N ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường với ông K là trái luật.

9/. Hủy Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Chủ tịch UBND



huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

10/. T4 buộc hành vi cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện N là trái pháp luật.

11/. Hủy Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Văn K.

Buộc Chủ tịch UBND huyện N và UBND huyện N phải tuân thủ và thực hiện giải quyết khiếu nại cho ông K theo Luật khiếu nại 2011.

12/. Yêu cầu UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình ông K do ban hành văn bản trái pháp luật.

13/. Buộc Chủ tịch UBND huyện N và UBND huyện N phải bồi thường, hỗ trợ thửa đất số 59 tờ bản đồ số 33 diện tích 28.065,6m<sup>2</sup> xã P và yêu cầu UBND huyện thực hiện thu hồi diện tích 5.832,6m<sup>2</sup> là phần còn lại của thửa 59 và thu hồi diện tích đất còn lại tại thửa đất số 28.

#### **Căn cứ khởi kiện và nội dung khởi kiện:**

Quyết định số 372/QĐ-UBND và Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND huyện N không tuân thủ và không thực hiện theo Điều 74, 75, 77, 79, 83, 84, 85, 89, 112 của Luật Đất đai năm 2013 và điểm c Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: “Trường hợp thực hiện dự án kinh doanh thuộc diện Nhà nước thu hồi đất nhưng cho phép chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án”. UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường là trái với Điều 4, 5, 6, 7, 11, 12, 13, 19, 20, 21, 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024; Điều 4, 6, 10, 11, 14, 15 và Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T5.

Ông K khiếu nại đối với Quyết định số 372/QĐ-UBND và Quyết định số 390/QĐ-UBND do UBND huyện N không tuân thủ và không thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai nhưng đến nay UBND huyện vẫn không thực hiện giải quyết theo Điều 7, 28 Luật Khiếu nại năm 2011 và Luật Đất đai năm 2013, UBND huyện tiếp tục ban hành Quyết định số 1925/QĐ-UBND và Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 16/6/2021, 02 Quyết định trên UBND huyện vẫn không tuân thủ không thực hiện theo Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 13/7/2022, UBND huyện ban hành Quyết định số 1242/QĐ-UBND và Quyết định số 1243/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện vẫn không tuân thủ và không thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đất đai 2013.

Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 33, diện tích 28.065,6m<sup>2</sup> và thửa đất số 28; Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 33 diện tích 106.813,2m<sup>2</sup> xã P của gia đình ông K có đầy đủ các điều kiện được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai nhưng UBND huyện vẫn cố tình không tuân thủ và không thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ông K làm đơn khiếu nại đối với Quyết định số 1242/QĐ-UBND và Quyết định số 1243/QĐ-UBND nhưng đến hôm nay UBND huyện vẫn không chỉ đạo giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại 2011 và các quy định của pháp luật về đất đai.

Ngày 19/01/2024 UBND huyện N ban hành Quyết định số 82/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất là trái pháp luật và vi phạm pháp luật.

Bởi vì các quyết định của UBND huyện ông K đang khiếu nại đối với các quyết định của UBND huyện chưa giải quyết theo Luật Khiếu nại năm 2011; Riêng Quyết định số 82/QĐ-UBND ông K đang khiếu nại nhưng đến hôm nay UBND huyện vẫn không chỉ đạo giải quyết theo Điều 7 và Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011 và các quy định của pháp luật về đất đai cho gia đình ông K. Ngày 20/02/2024 UBND huyện N ban hành thông báo số 03/TB-BTHCCTHĐ về việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy Điện mặt trời P tại xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Vào lúc 7 giờ 00 phút ngày 28/02/2024, ông Đàng Năng T - Phó Chủ tịch UBND huyện N trực tiếp chỉ đạo các lực lượng huyện, xã đến thừa đất hợp pháp của gia đình ông K, cho máy mức, máy ủi san bằng thừa đất và hủy hoại toàn bộ tài sản gắn liền với đất của gia đình ông, UBND huyện không thực hiện theo yêu cầu của ông, ông K yêu cầu UBND huyện ngừng cưỡng chế với lý do ông đang khiếu nại chưa được UBND huyện giải quyết, căn cứ theo điểm c khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013, nếu UBND huyện bất chấp pháp luật vẫn chỉ đạo cưỡng chế, ông K yêu cầu Ban cưỡng chế thực hiện kiểm đếm, kê biên tài sản gắn liền với đất và lập biên bản tạm giữ gửi toàn bộ tài sản và bảo quản toàn bộ tài sản của tôi theo khoản 4 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 nhưng Ban cưỡng chế không thực hiện mà chỉ đạo máy mức, máy ủi san bằng thừa đất và hủy hoại toàn bộ tài sản gắn liền với đất của gia đình ông.

Ngày 27/3/2024, UBND huyện N ban hành Quyết định số 283/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Văn K (lần đầu), Quyết định số 283/QĐ-UBND không tuân thủ và không thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, không tuân thủ và không thực hiện theo quy định của Luật Đất Đai 2013, đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông K.

Ông K đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xem xét tăng tiền bồi thường về đất theo giá thị trường đối với thửa 28 và 92, bồi thường giá nhà ở thay vì nhà tạm tại thửa 28, tăng khoản hỗ trợ đối với thửa 28 và 92 (theo giá đất thị trường), hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với thửa 59.

Ông Trịnh Văn K và bà Trần Thị Nhị H1 thống nhất với lời trình bày của ông Lê Văn H và không bổ sung thêm.

**Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện N và Chủ tịch UBND huyện N - trình bày tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 21/5/2024 và Văn bản trình bày ý kiến ngày 15/8/2024. Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp - ông Lê Xuân V - trình bày:**

Các căn cứ pháp lý để ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.

Căn cứ các Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh N phê duyệt danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh N: Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 và Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh N; Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 về quy định Bảng giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc, Bảng phân cấp nhà ở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 về ban hành Bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 về ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 về chủ trương đầu tư Nhà máy Đ1; Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư số 222/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 về dự án Nhà máy điện trời Phước Thái 2 của Tập đoàn Đ2; Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy Đ1.

Căn cứ các quyết định của UBND huyện N: Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 phê duyệt phương án kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 18 hộ gia đình cá nhân để xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 2 trong đó có ông K; Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 phê duyệt phương án kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 01 hộ gia đình cá nhân để xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 2 trong đó có ông K.

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đ1 tại xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, ngày 24/02/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 372/QĐ-UBND về việc thu hồi 106.813,2m<sup>2</sup> đất trồng rừng do ông Trịnh Văn K đang sử dụng. Ngày 24/02/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 390/QĐ-UBND cho ông Trịnh Văn K về việc bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 2.657.518.696 đồng.

Ngày 16/6/2021, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 1925/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giảm diện tích thu hồi của ông Trịnh Văn K tại Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 và Quyết định số 1926/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giảm tiền bồi thường hỗ trợ của ông K tại Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 để thực hiện Dự án Nhà máy Đ1 2 với số tiền bồi thường bồi thường 2.404.928.296 đồng. Lý do: Trong quá trình xác lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường trước đây có sự nhầm lẫn, sai sót về loại đất sử dụng.

Ngày 13/7/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1242/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần thửa số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 xã P với diện tích 13.751,7m<sup>2</sup> đất bằng trồng cây hàng năm khác và Quyết định số 1243/QĐ-UBND về bồi thường hỗ trợ cho ông Trịnh Văn K với tổng số tiền bồi thường về đất là 371.295.900 đồng.

Ngày 09/9/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1648/QĐ-UBND về việc bồi thường bổ sung vật kiến trúc cho ông Trịnh Văn K với số tiền 15.818.160 đồng và Quyết định số 1687/QĐ-UBND về việc hỗ trợ ổn định đời sống cho ông K với số tiền 2.340.000 đồng.

Ngày 20/02/2024, UBND huyện N ban hành Quyết định số 149/QĐ-UBND về việc điều chỉnh năm tại Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N. Lý do: Trong quá trình soạn thảo quyết định thu hồi đất của ông Trịnh Văn K có đánh máy nhầm năm 2022 thành 2021.

Theo các quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ của UBND huyện thì ông K không đồng ý, có đơn kiến nghị với nội dung: *“Không đồng ý quyết định bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện về loại đất thu hồi tại một phần thửa đất số 59 là đất trồng rừng sản xuất; giá bồi thường, hỗ trợ như: Đất, nhà, công trình gắn liền với đất thấp, đề nghị xác định theo đúng giá thị trường; bổ sung các khoản hỗ trợ theo quy định mà nhà ông được hưởng; thu hồi phần đất có mặt nước còn lại không đủ điều kiện để sử dụng của thửa đất số 28, tờ bản đồ số 34 xã P”*. UBND huyện N đã trả lời kiến nghị này tại Công văn số 2252/UBND-NC ngày 22/6/2021. Ngoài ra UBND huyện N ban hành các Công văn số 4444/UBND-NC ngày 22/11/2021 và Công văn số 5468/UBND-NC ngày 22/11/2021 trả lời các kiến nghị khác của ông K.

Ông K không đồng ý nhận tiền bồi thường hỗ trợ và cũng không đồng ý bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư. UBND xã P đã lập Báo cáo số 223/BC-UBND ngày 31/11/2023 và Báo cáo số 251/BC-UBND ngày 20/11/2023 về kết quả tuyên truyền vận động các hộ dân chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Ngày 09/11/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N lập Báo cáo số 363/BC-TTPTQĐ ngày 09/11/2023 về kết quả thực hiện công tác



bồi thường, giải phóng mặt bằng. Các Báo cáo này đều ghi nhận ông K chưa nhận tiền bồi thường hỗ trợ, chưa bàn giao mặt bằng cho dự án. Căn cứ Công văn số 2874- CV/HU ngày 15/01/2024 của Huyện ủy N về việc cho ý kiến cưỡng chế thu hồi đất đối với ông K. Ngày 19/11/2024, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 82/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông K với diện tích 92.499,3 m<sup>2</sup> đất, cụ thể: Một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 diện tích thu hồi 13.751,7m<sup>2</sup>; Một phần thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 78.445,9m<sup>2</sup>; Một phần thửa số 92, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 301,7m<sup>2</sup>. Ông K khiếu nại quyết định cưỡng chế, công văn số 5468/UBND-NC ngày 22/11/2021 trả lời kiến nghị và được Chủ tịch UBND huyện N giải quyết tại Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 27/3/2024.

Về nội dung yêu cầu của ông K đề nghị thu hồi diện tích đất còn lại hơn 30.000m<sup>2</sup>: Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ, căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh N phê duyệt danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, căn cứ Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh N về chủ trương đầu tư Nhà máy Đ1; Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh N về việc điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư số 222/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh N về dự án Nhà máy điện mặt trời Phước Thái của Tập đoàn Đ2 thì diện tích đất sử dụng 91,15 ha cho toàn bộ dự án Nhà máy Đ1. Nên UBND huyện N chỉ thu hồi đất theo đúng diện tích đất được UBND tỉnh N chấp thuận chủ trương đầu tư, do đó, yêu cầu của ông K về việc đề nghị thu hồi thêm phần diện tích còn lại thuộc các thửa 28 và 92, 59 là không có cơ sở chấp nhận.

UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bồi thường hỗ trợ cho ông Trịnh Văn K, việc ban hành quyết định cưỡng chế và quyết định giải quyết khiếu nại là đúng pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

UBND xã P (huyện N) có Phiếu trả lời theo Công văn số 81 ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, nội dung trả lời các vấn đề liên quan đến việc sản xuất nông nghiệp của ông K và các hộ lân cận nhà ông K đối với các thửa đất bị thu hồi.

Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần còn lại của các thửa đất số 28 và thửa đất số 59 và trích lục phần còn lại thửa đất số 59. Các thửa đất đều có lối đi vào trên hiện trạng.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định như sau:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Trịnh Văn K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Điều 1 Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K do UBND huyện N không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật khi thu hồi 13.751,7m<sup>2</sup> thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 33 xã P của ông Trịnh Văn K.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Trịnh Văn K khi thu hồi diện tích 13.751,7m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 xã P, loại đất thu hồi: đất trồng cây hằng năm vị trí 4.

2. Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND huyện N về việc thu hồi đất của ông Trịnh Văn K.

- Hủy Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

- Hủy Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm diện tích đất thu hồi của ông Trịnh Văn K tại Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 24/02/2021.

- Hủy Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm tiền bồi thường, hỗ trợ của ông Trịnh Văn K tại Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2021.

- Hủy Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc thu hồi đất của ông Trịnh Văn K.

- Hủy một phần Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

- Hủy Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông Trịnh Văn K khi Nhà nước thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND huyện N về việc hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

Buộc Chủ tịch UBND huyện N và UBND huyện N phải tuân thủ và thực hiện đúng theo điểm c Điều 99 Nghị quyết số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Trường hợp thực hiện dự án kinh doanh thuộc diện Nhà nước thu hồi đất nhưng cho phép Chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án” do UBND huyện N ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường với ông K là trái luật.

- Hủy Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của UBND huyện N về việc điều chỉnh năm tại Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 13/7/2022.

- Hủy Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện N là trái pháp luật.

- Hủy Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Văn K (lần đầu).

Buộc Chủ tịch UBND huyện N và UBND huyện N phải tuân thủ và thực hiện giải quyết khiếu nại cho ông Trịnh Văn K theo Luật khiếu nại 2011.

- Yêu cầu UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình ông Trịnh Văn K do ban hành văn bản trái pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện N và UBND huyện N phải bồi thường, hỗ trợ thửa đất số 59 tờ bản đồ số 33 diện tích 28.065,6m<sup>2</sup> xã P và yêu cầu UBND huyện thực hiện thu hồi diện tích 5.832,6m<sup>2</sup> là phần còn lại của thửa 59 và thu hồi diện tích đất còn lại tại thửa đất số 28.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:*

Ngày 27/9/2024 và ngày 10/10/2024, ông Trịnh Văn K có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn K.

Ngày 30/9/2024 và ngày 08/10/2024, Ủy ban nhân dân huyện N có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn K, cụ thể kháng cáo về phần bản án sơ thẩm: “Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Điều 1 Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K do UBND huyện N không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật khi thu hồi 13.751,7m<sup>2</sup> thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 33 xã P của ông Trịnh Văn K. Buộc Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Trịnh Văn K khi thu hồi diện tích 13.751,7m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 59, tờ bản đồ địa chính số 33, xã P, loại đất thu hồi: đất trồng cây hằng năm vị trí 4”.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông Trịnh Văn K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông K, không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn K.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Xét kháng cáo của người khởi kiện và người bị kiện.

[1.1]. Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND huyện N về việc thu hồi đất của ông Trịnh Văn K; Hủy Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K; Hủy Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm diện tích thu hồi đất của ông Trịnh Văn K; Hủy Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông Trịnh Văn K; Hủy Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc thu hồi đất của ông Trịnh Văn K và Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của UBND huyện N; Hủy Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K; Hủy Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K; Hủy Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND huyện N về việc hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

[1.2]. Dự án đầu tư Nhà máy Đ1 thuộc dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Hội đồng nhân dân tỉnh N ban hành Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 phê duyệt danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, trong đó có Dự án Nhà máy điện trời Phước Thái 2.

[1.3]. Ngày 08/6/2020, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Thông báo số 318/TB-UBND và ngày 15/12/2020, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Thông báo số 1182/TB-UBND cùng có nội dung về việc thu hồi đất. Ngày 24/02/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 372/QĐ-UBND về việc thu hồi 106.813,2m<sup>2</sup> đất trồng rừng do ông Trịnh Văn K đang sử dụng, cụ thể:

- Một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 diện tích thu hồi 28.065,6m<sup>2</sup>.

- Một phần thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 78.445,9m<sup>2</sup>.

- Một phần thửa số 92, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 301,7m<sup>2</sup>.

Việc UBND huyện N ban hành Quyết định số 372/QĐ-UBND về việc thu hồi đất là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông K khởi kiện “buộc Chủ tịch UBND huyện N



và UBND huyện N phải tuân thủ và thực hiện đúng theo điểm c Điều 99 Nghị quyết số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ “Trường hợp thực hiện dự án kinh doanh thuộc diện Nhà nước thu hồi đất nhưng cho phép Chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án” do UBND huyện N ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường với ông K là trái luật” là không có căn cứ.

[1.4]. Ngày 24/02/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 390/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 2.657.518.696 đồng, bao gồm:

- Bồi thường về đất: 961.318.800 đồng.
- Bồi thường vật kiến trúc: 214.687.096 đồng.
- Bồi thường cây trồng: 64.056.000 đồng.
- Các khoản hỗ trợ khác: 1.417.456.800 đồng.

[1.5]. Trong quá trình xác lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường trước đây có sự nhầm lẫn, sai sót về loại đất sử dụng. Do đó, ngày 16/6/2021, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 1925/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giảm diện tích thu hồi của ông Trịnh Văn K tại Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 và Quyết định số 1926/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giảm tiền bồi thường hỗ trợ của ông K tại Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 để thực hiện Dự án Nhà máy Đ1 2 với số tiền bồi thường 2.404.928.296 đồng, giảm bồi thường thừa 59 diện tích 28.065,6m<sup>2</sup> với số tiền 252.590.400 đồng, giữ nguyên các nội dung khác của Quyết định 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2020.

[1.6]. Về giá đất: Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 78.445,9m<sup>2</sup> loại đất rừng sản xuất, xã đồng bằng và thửa số 92, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 301,7m<sup>2</sup> loại đất rừng sản xuất, xã đồng bằng. Các thửa đất này đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BN 363352, số vào sổ CH 00449 ngày 25/01/2013 cho ông Trịnh Văn K, loại đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất rừng sản xuất. Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND huyện bồi thường loại đất rừng sản xuất, khu vực xã Đ, giá đất 9.000 đồng/m<sup>2</sup> x diện tích 106.813,2m<sup>2</sup> x hệ số 1 = 961.318.800 đồng, phù hợp với mục II Phần A Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh N về ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giá đất rừng sản xuất thuộc khu vực xã đồng bằng là 9.000 đồng/m<sup>2</sup> và Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Đ1 tại xã P: Hệ số điều chỉnh giá đất rừng sản xuất (xã Đ) bằng 1,0.

[1.7]. Về bồi thường nhà trên đất: Ông K cho rằng nhà xây trên đất là nhà kiên cố, không phải nhà tạm. Tuy nhiên, khi Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N kiểm kê tài sản trên đất, ông Trịnh Văn K đều chứng kiến và ký nhận vào biên bản (theo Biên bản kiểm đếm ngày 25/6/2020 - BL 174). Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND huyện bồi thường cho ông K 02 nhà tạm, mái

che, sân lán xi măng, công tháo dỡ rào lưới thép, lưới gai, hồ nước xây gạch, chuồng nuôi gia súc, mái che tôn, ống P1 (tạm tính). Đối chiếu với Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2019 quy định Bảng giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc; Bảng phân cấp nhà ở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thì việc bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc trên đất là đúng theo quy định của pháp luật. Ngày 09/9/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1648/QĐ-UBND về việc bồi thường bổ sung vật kiến trúc (béc phun nước, ống nhựa) cho ông Trịnh Văn K với số tiền 15.818.160 đồng là có căn cứ.

[1.8]. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông K về tăng tiền bồi thường về đất theo giá thị trường đối với thửa 28 và 92, bồi thường giá nhà ở thay vì nhà tạm tại thửa 28, là có căn cứ.

[1.9]. Theo Giấy xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của UBND xã P trong hồ sơ bồi thường hỗ trợ hộ ông K do UBND huyện N cung cấp: Ông K chỉ sản xuất trên một phần thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 78.445,9m<sup>2</sup>; Một phần thửa số 92, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích thu hồi 301,7m<sup>2</sup> nên được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm khi thu hồi các thửa 28 và thửa số 92, số tiền là  $2 \times 9.000 \text{ đồng/m}^2 \times \text{diện tích}$   $78.747,6\text{m}^2 = 1.417.456.800 \text{ đồng}$  (tại Quyết định số 390/QĐ-UBND) là phù hợp với khoản 2 Điều 31 Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh N. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu khởi kiện của ông K về việc tăng khoản hỗ trợ đối với thửa 28 và 92 (theo giá đất thị trường) là không có căn cứ, là đúng quy định của pháp luật.

[1.10]. Ngày 13/7/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1242/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần thửa số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 xã P với diện tích 13.751,7m<sup>2</sup> đất bằng trồng cây hàng năm khác.

[1.11]. Về hỗ trợ ổn định đời sống: UBND huyện N ban hành Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 về việc hỗ trợ ổn định đời sống cho ông K với số tiền 2.340.000 đồng là phù hợp pháp luật.

[1.12]. Ngày 20/02/2024, UBND huyện N ban hành Quyết định số 149/QĐ-UBND về việc điều chỉnh năm tại Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N. Lý do: Trong quá trình soạn thảo quyết định thu hồi đất của ông Trịnh Văn K có đánh máy nhầm năm 2022 thành 2021.

[1.13]. Đối Quyết định số 1243/QĐ-UBND của UBND huyện N về bồi thường, hỗ trợ cho ông Trịnh Văn K khi thu hồi một phần thửa 59, tờ bản đồ số 33 xã P:

[1.13.1]. Tổng số tiền bồi thường về đất tại thửa 59 bị thu hồi theo Quyết định số 1243/QĐ-UBND là 371.295.900 đồng (không có khoản hỗ trợ), cụ thể: loại đất: Đất trồng cây hàng năm vị trí 4, giá đất là 27.000 đồng/m<sup>2</sup> x diện tích bị thu hồi thuộc thửa 59 là 13.751,7m<sup>2</sup> x hệ số 1. Giá đất như vậy là phù hợp với quy định giá đất trồng cây hàng năm vị trí 4 xã đồng bằng tại mục I Phần A Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh N về ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ Giấy xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất khi Nhà nước

thu hồi đất ngày 24/11/2023, UBND huyện N chỉ ban hành quyết định thu hồi và bồi thường một phần thửa đất số 59 diện tích 13.751,7m<sup>2</sup> là có căn cứ, yêu cầu của ông K về việc buộc Chủ tịch UBND huyện N và UBND huyện N phải bồi thường, hỗ trợ thửa đất số 59 tờ bản đồ số 33 diện tích 28.065,6m<sup>2</sup> xã P không có cơ sở chấp nhận.

[1.13.2]. Về việc hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại Quyết định số 1243/QĐ-UBND về bồi thường hỗ trợ cho ông Trịnh Văn K khi thu hồi một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính số 33 diện tích thu hồi 13.751,7m<sup>2</sup>:

Căn cứ Điều 83 Luật Đất đai:

*1. Nguyên tắc hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:*

*a) Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường theo quy định của Luật này còn được Nhà nước xem xét, hỗ trợ ;*

*2. Các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm:*

*b) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp;*

Căn cứ Điều 84 Luật Đất đai: *Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất*

*1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất nông nghiệp để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm.*

Điểm c khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT29/9/2017 của Bộ T5 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP6/1/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai:

*3. Căn cứ xác định hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp:*

*c) Có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng quy định tại Điểm a Khoản này... ”;*

Tại Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P ngày 24/11/2023 (BL số 79) và Phiếu trả lời của UBND xã đối với hộ ông Trịnh Văn K cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm (BL 219) thể hiện ông K làm nghề nông, ông có thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp với các thửa 28, 92, còn thửa 59 ông bỏ đất trống tại thời điểm kiểm kê. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện N không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật khi thu hồi 13.751,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 59 cho ông Trịnh Văn K là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K Hủy một phần tại Điều 1 Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K do không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật khi thu hồi 13.751,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 59 và buộc UBND huyện N phải thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Trịnh Văn K khi thu hồi diện tích đất này, là không đúng quy định của pháp luật.



[1.14]. Đối với yêu cầu của ông K đề nghị UBND huyện N thu hồi hết diện tích đất còn lại của các thửa 28 và 59. Ủy ban nhân dân huyện N chỉ thu hồi đất theo đúng diện tích đất được UBND tỉnh N chấp thuận chủ trương đầu tư. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông K về việc đề nghị thu hồi thêm phần diện tích còn lại thuộc thửa 28 tờ bản đồ địa chính số 34 và thửa 59 tờ bản đồ số 33 xã P là có căn cứ.

[1.15]. Đối với kháng cáo của ông Trịnh Văn K về việc hủy Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất và tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện N trái pháp luật:

Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất được ban hành đúng trình tự và có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K đề nghị hủy Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất và tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện N trái pháp luật, là có căn cứ.

[1.16]. Ông K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K kháng cáo cho rằng Chủ tịch UBND huyện N đã tiến hành cưỡng chế 14.313,9m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa số 59 mà không có quyết định cưỡng chế, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ. Ông K không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với phần đất này. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K cũng trình bày ông không có chứng cứ để chứng minh ông nhận chuyển nhượng bao nhiêu mét vuông đất của bà T3. Trong khi đó, theo Biên bản xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của Hội đồng tư vấn đất đai xã P ngày 14/11/2023 thì phần đất 14.313,9m<sup>2</sup> này là loại đất bằng chưa sử dụng, do Ủy ban nhân dân xã Q1. Do đó, kháng cáo của ông K cho rằng Chủ tịch UBND huyện N đã có hành vi cưỡng chế trái pháp luật đối với phần đất 14.313,9m<sup>2</sup> là không có căn cứ chấp nhận.

[1.17]. Đối với kháng cáo của ông Trịnh Văn K về việc hủy Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại: Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có căn cứ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc hủy quyết định này là đúng pháp luật.

[1.18]. Xét yêu cầu của ông Trịnh Văn K về việc buộc UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N bồi thường tổn thất tinh thần: Do ông Trịnh Văn K không cung cấp được các chứng cứ chứng minh, và các quyết định hành chính bị khởi kiện của UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N trong vụ án này có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông K là đúng pháp luật.

[1.19]. Dự án đầu tư Nhà máy Đ1 thuộc dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và do Hội đồng nhân dân tỉnh N chấp thuận. Ông Đảng Năng T (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N) là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện. Mặt khác, nguồn gốc diện tích đất tại thửa 59, đã được



Ủy ban nhân dân xã làm rõ trong hồ sơ. Do đó, kháng cáo của ông K cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Ban quản lý dự án điện mặt trời P và ông Đảng Năng T để làm rõ nguồn gốc diện tích thửa 59, là không có căn cứ chấp nhận.

[1.20]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn K, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện N; sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm nêu trên theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc hủy một phần tại Điều 1 Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K do không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật khi thu hồi 13.751,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 59 và buộc UBND huyện N phải thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Trịnh Văn K khi thu hồi diện tích đất này; giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc hủy các yêu cầu khởi kiện còn lại của ông K; tức là bác tất cả các yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn K.

[2]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa được chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí hành chính:

[4.1]. Án phí hành chính sơ thẩm:

Buộc ông Trịnh Văn K phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[4.2]. Án phí hành chính phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trịnh Văn K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 203, Điều 220, Khoản 1, khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn K.

3. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2024/HC-ST ngày 16-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

3.1. Căn cứ vào: Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính, Luật Đất đai năm 2013, Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số ngày 29/9/2017 của Bộ T5 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

3.2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND huyện N về việc thu hồi đất của ông Trịnh Văn K.

- Hủy Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

- Hủy Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm diện tích đất thu hồi của ông Trịnh Văn K tại Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 24/02/2021.

- Hủy Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện N về việc điều chỉnh giảm tiền bồi thường, hỗ trợ của ông Trịnh Văn K tại Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/02/2021.

- Hủy Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc thu hồi đất của ông Trịnh Văn K.

- Hủy Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

- Hủy Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông Trịnh Văn K khi Nhà nước thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND huyện N về việc hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Trịnh Văn K.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện N và UBND huyện N phải tuân thủ và thực hiện đúng theo điểm c Điều 99 Nghị quyết số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ “Trường hợp thực hiện dự án kinh doanh thuộc diện Nhà nước thu hồi đất nhưng cho phép Chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án” do UBND huyện N ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường với ông K là trái luật.

- Hủy Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của UBND huyện N về việc điều chỉnh năm tại Quyết định số 1242/QĐ- UBND ngày 13/7/2022.

- Hủy Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Tuyên buộc hành vi cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện N là trái pháp luật.

- Hủy Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Văn K (lần đầu).

- Buộc Chủ tịch UBND huyện N và UBND huyện N phải tuân thủ và thực hiện giải quyết khiếu nại cho ông Trịnh Văn K theo Luật khiếu nại 2011.

- Yêu cầu UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình ông Trịnh Văn K do ban hành văn bản trái pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện N và UBND huyện N phải bồi thường, hỗ trợ thửa đất số 59 tờ bản đồ số 33 diện tích 28.065,6m<sup>2</sup> xã P và yêu cầu UBND huyện thực hiện thu hồi diện tích 5.832,6m<sup>2</sup> là phần còn lại của thửa 59 và thu hồi diện tích đất còn lại tại thửa đất số 28.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hành chính:

5.1. Án phí hành chính sơ thẩm:

Buộc ông Trịnh Văn K phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông K đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000078 ngày 04/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận (ông K đã nộp đủ).

Ủy ban nhân dân huyện N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N không phải chịu.

5.2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Buộc ông Trịnh Văn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005808 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận (ông Trịnh Văn K đã nộp đủ).

Ủy ban nhân dân huyện N không phải nộp, hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005810 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS Ninh Thuận;
- Các ĐS;
- Lưu HS. LT. VP. ĐTTB (18b).

**Nguyễn Thị Thúy Hòa**